

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN PHÒNG ĐÀO TẠO						CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc							
BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC													
MÔN: Thiết kế đồ họa 2D với Illustrator													
TT	Mã SV	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
1	2213360322	Vũ Minh	Chinh	02/5/2003	02DH14C1	6.0	8.5	7.7		8.0		7.9	Đạt
2	2213360239	Dương Phương Xuân	Diệu	05/02/2006	02DH14C1	8.0	7.5	7.7		9.0		8.5	Đạt
3	2213360279	Vũ Ngọc	Hiển	11/11/2005	02DH14C1	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
4	2213360061	Đình Tiến	Hoàng	12/12/2002	02DH14C1	6.0	7.0	6.7		9.0		8.1	Đạt
5	2213240104	Nguyễn Thành	Hội	10/08/2000	02DH14A1	8.0	7.0	7.3		8.0		7.7	Đạt
6	2213360187	Nguyễn Hoàng Phi	Hùng	23/08/2006	02DH14C1	7.0	9.0	8.3		7.5		7.8	Đạt
7	2213240181	Lê Minh	Huy	19/10/2003	02DH14A1	6.0	7.5	7.0		9.0		8.2	Đạt
8	2213360206	Phạm Đăng	Khoa	17/07/2006	02DH14C1	7.5	8.5	8.2		8.5		8.4	Đạt
9	2213360305	Phan Thị Hương	Liên	20/04/2006	02DH14C1	8.0	7.0	7.3		9.0		8.3	Đạt
10	2213360268	Huỳnh Hữu	Lộc	01/10/2002	02DH14C1	7.0	8.0	7.7		7.5		7.6	Đạt
11	2213360197	Nguyễn Lê Hoàng	Nam	28/03/2005	02DH14C1	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
12	2213360109	Trương Ngọc Kim	Ngân	27/11/2006	02DH14C1	8.0	6.5	7.0		8.5		7.9	Đạt
13	2213360243	Võ Thị Thanh	Ngân	20/10/2006	02DH14C1	6.0	8.0	7.3				2.9	Thi lại
14	2213360028	Nguyễn Hùng	Nguyên	22/10/2005	02DH14C1	8.0	7.5	7.7		7.5		7.6	Đạt
15	2213360170	Lê Thái Minh	Nhật	22/05/2004	02DH14C1	7.0	5.5	6.0		8.0		7.2	Đạt
16	2213360288	Nguyễn Ngọc	Nhi	13/07/2006	02DH14C1	7.0	7.5	7.3		8.5		8.0	Đạt
17	2213360214	Bùi Hải	Phi	05/01/2006	02DH14C1	6.5	6.5	6.5		5.0		5.6	Đạt
18	2213360334	Võ Trần	Quân	02/10/2005	02DH14C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
19	2213240008	Phan Bá	Tâm	21/02/1998	02DH14A1	7.5	9.0	8.5		9.0		8.8	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: Thiết kế đồ họa 2D với Illustrator

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
20	2213360122	Đỗ Phương Thảo	08/04/2006	02DH14C1	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
21	2213360220	Nguyễn Song Thư	07/02/2006	02DH14C1	8.0	7.0	7.3		9.0		8.3	Đạt
22	1213360136	Huỳnh Nguyễn Phương Thùy	18/04/2006	02DH14C1	5.0	6.0	5.7		6.0		5.9	Đạt
23	2213360326	Trần Ngọc Thủy Tiên	24/03/2006	02DH14C1	6.0	6.0	6.0		6.0		6.0	Đạt
24	2213360345	Nguyễn Thị Ngọc Tiên	22/12/2006	02DH14C1	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
25	2213360136	Trần Minh Triết	30/03/2005	02DH14C1	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
26	2213360307	Trần Thuận Trung	24/08/2006	02DH14C1	7.0	6.5	6.7		6.0		6.3	Đạt
27	2213360016	Nguyễn Đức Anh Tuấn	18/01/1999	02DH14C1	7.0	6.5	6.7		8.0		7.5	Đạt
28	2213360066	Phạm Minh Tuấn	31/07/2003	02DH14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
29	2213360255	Trương Minh Tuấn	15/02/2002	02DH14C1	6.0	8.0	7.3		8.0		7.7	Đạt
30	2213360213	Võ Bảo Vy	19/04/2006	02DH14C1	8.0	6.5	7.0		9.0		8.2	Đạt
31	2213360215	Nguyễn Vũ Phương Vy	22/09/2006	02DH14C1	7.0	8.0	7.7		8.5		8.2	Đạt
32	2213360375	Dương Ngọc Khánh Vy	24/08/2006	02DH14C1	8.0	7.0	7.3		9.0		8.3	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN PHÒNG ĐÀO TẠO					CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc							
BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC												
MÔN: Kỹ thuật quay camera và chụp ảnh												
TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
1	2213360322	Vũ Minh Chỉnh	02/5/2003	02DH14C1	8.0	7.0	7.3		8.0		7.7	Đạt
2	2213360239	Dương Phương Xuân Diệu	05/02/2006	02DH14C1	8.0	7.5	7.7		8.0		7.9	Đạt
3	2213360279	Vũ Ngọc Hiến	11/11/2005	02DH14C1	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
4	2213360061	Đinh Tiến Hoàng	12/12/2002	02DH14C1	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
5	2213240104	Nguyễn Thành Hội	10/08/2000	02DH14A1	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
6	2213360187	Nguyễn Hoàng Phi Hùng	23/08/2006	02DH14C1	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
7	2213240181	Lê Minh Huy	19/10/2003	02DH14A1	7.0	7.0	7.0		7.5		7.3	Đạt
8	2213360206	Phạm Đăng Khoa	17/07/2006	02DH14C1	7.5	7.0	7.2		8.0		7.7	Đạt
9	2213360305	Phan Thị Hương Liên	20/04/2006	02DH14C1	8.0	8.0	8.0		8.5		8.3	Đạt
10	2213360268	Huỳnh Hữu Lộc	01/10/2002	02DH14C1	7.0	7.0	7.0		8.0		7.6	Đạt
11	2213360197	Nguyễn Lê Hoàng Nam	28/03/2005	02DH14C1	7.5	7.0	7.2		8.0		7.7	Đạt
12	2213360109	Trương Ngọc Kim Ngân	27/11/2006	02DH14C1	8.0	7.0	7.3		8.0		7.7	Đạt
13	2213360243	Võ Thị Thanh Ngân	20/10/2006	02DH14C1	8.0	7.0	7.3		8.0		7.7	Đạt
14	2213360028	Nguyễn Hùng Nguyên	22/10/2005	02DH14C1	8.0	7.0	7.3		8.0		7.7	Đạt
15	2213360170	Lê Thái Minh Nhật	22/05/2004	02DH14C1	8.0	7.0	7.3		8.0		7.7	Đạt
16	2213360288	Nguyễn Ngọc Nhi	13/07/2006	02DH14C1	7.5	7.0	7.2		8.0		7.7	Đạt
17	2213360214	Bùi Hải Phi	05/01/2006	02DH14C1	7.5	7.0	7.2		8.0		7.7	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: Kỹ thuật quay camera và chụp ảnh

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0					
18	2213360334	Võ Trần Quân	02/10/2005	02DH14C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
19	2213240008	Phan Bá Tâm	21/02/1998	02DH14A1	7.0	7.5	7.3		8.0		7.7	Đạt
20	2213360122	Đỗ Phương Thảo	08/04/2006	02DH14C1	7.5	7.5	7.5		8.0		7.8	Đạt
21	2213360220	Nguyễn Song Thư	07/02/2006	02DH14C1	7.5	7.5	7.5		8.0		7.8	Đạt
22	1213360136	Huỳnh Nguyễn Phương	18/04/2006	02DH14C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
23	2213360326	Trần Ngọc Thủy Tiên	24/03/2006	02DH14C1	8.0	7.0	7.3		8.0		7.7	Đạt
24	2213360345	Nguyễn Thị Ngọc Tiên	22/12/2006	02DH14C1	8.0	7.0	7.3		8.0		7.7	Đạt
25	2213360136	Trần Minh Triết	30/03/2005	02DH14C1	7.0	7.0	7.0		8.0		7.6	Đạt
26	2213360307	Trần Thuận Trung	24/08/2006	02DH14C1	7.0	7.0	7.0		8.0		7.6	Đạt
27	2213360016	Nguyễn Đức Anh Tuấn	18/01/1999	02DH14C1	7.0	8.5	8.0		9.0		8.6	Đạt
28	2213360066	Phạm Minh Tuấn	31/07/2003	02DH14C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
29	2213360255	Trương Minh Tuấn	15/02/2002	02DH14C1	7.0	7.0	7.0		8.0		7.6	Đạt
30	2213360213	Võ Bảo Vy	19/04/2006	02DH14C1	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt
31	2213360215	Nguyễn Vũ Phương Vy	22/09/2006	02DH14C1	8.0	7.0	7.3		8.5		8.0	Đạt
32	2213360375	Dương Ngọc Khánh Vy	24/08/2006	02DH14C1	8.0	7.0	7.3		8.5		8.0	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN PHÒNG ĐÀO TẠO						CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc							
BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC													
MÔN: CHẾ BẢN ĐIỆN TỬ (INDESIGN)													
TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
1	2213360322	Vũ Minh Chỉnh	02/5/2003	02DH14C1	8.0	6.0	6.7		6.0		6.3	Đạt	
2	2213360239	Dương Phương Xuân Diệu	05/02/2006	02DH14C1	8.0	5.5	6.3		5.5		5.8	Đạt	
3	2213360279	Vũ Ngọc Hiến	11/11/2005	02DH14C1	7.0	5.5	6.0		5.0		5.4	Đạt	
4	2213360061	Đinh Tiến Hoàng	12/12/2002	02DH14C1	5.0	6.0	5.7		6.0		5.9	Đạt	
5	2213240104	Nguyễn Thành Hội	10/08/2000	02DH14A1	7.0	6.5	6.7		8.0		7.5	Đạt	
6	2213360187	Nguyễn Hoàng Phi Hùng	23/08/2006	02DH14C1	6.0	5.0	5.3		7.0		6.3	Đạt	
7	2213240181	Lê Minh Huy	19/10/2003	02DH14A1	7.0	6.0	6.3		6.5		6.4	Đạt	
8	2213360206	Phạm Đăng Khoa	17/07/2006	02DH14C1	7.0	6.5	6.7		8.0		7.5	Đạt	
9	2213360305	Phan Thị Hương Liên	20/04/2006	02DH14C1	8.0	7.5	7.7		6.0		6.7	Đạt	
10	2213360268	Huỳnh Hữu Lộc	01/10/2002	02DH14C1	7.0	6.0	6.3		5.0		5.5	Đạt	
11	2213360197	Nguyễn Lê Hoàng Nam	28/03/2005	02DH14C1	7.0	5.5	6.0		5.0		5.4	Đạt	
12	2213360109	Trương Ngọc Kim Ngân	27/11/2006	02DH14C1	7.0	6.0	6.3		5.5		5.8	Đạt	
13	2213360243	Võ Thị Thanh Ngân	20/10/2006	02DH14C1	8.0	6.0	6.7				2.7	Thi lại	
14	2213360028	Nguyễn Hùng Nguyên	22/10/2005	02DH14C1	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt	
15	2213360170	Lê Thái Minh Nhật	22/05/2004	02DH14C1	6.0	5.0	5.3		5.0		5.1	Đạt	
16	2213360288	Nguyễn Ngọc Nhi	13/07/2006	02DH14C1	6.0	5.0	5.3		5.0		5.1	Đạt	
17	2213360214	Bùi Hải Phi	05/01/2006	02DH14C1	7.0	6.0	6.3		6.0		6.1	Đạt	
18	2213360334	Võ Trần Quân	02/10/2005	02DH14C1			0.0	TBKT				Học lại	

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: CHẾ BẢN ĐIỆN TỬ (INDESIGN)

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
19	2213240008	Phan Bá	Tâm	21/02/1998	02DH14A1	7.0	8.0	7.7		8.5		8.2	Đạt
20	2213360122	Đỗ Phương	Thảo	08/04/2006	02DH14C1	6.5	5.0	5.5		9.0		7.6	Đạt
21	2213360220	Nguyễn Song	Thư	07/02/2006	02DH14C1	6.5	7.0	6.8		7.0		6.9	Đạt
22	1213360136	Huỳnh Nguyễn Phuong	Thùy	18/04/2006	02DH14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
23	2213360326	Trần Ngọc Thủy	Tiên	24/03/2006	02DH14C1	6.0	5.0	5.3		5.5		5.4	Đạt
24	2213360345	Nguyễn Thị Ngọc	Tiên	22/12/2006	02DH14C1	6.5	5.0	5.5		5.0		5.2	Đạt
25	2213360136	Trần Minh	Triết	30/03/2005	02DH14C1	8.0	7.5	7.7		7.5		7.6	Đạt
26	2213360307	Trần Thuận	Trung	24/08/2006	02DH14C1	7.0	6.5	6.7		6.0		6.3	Đạt
27	2213360016	Nguyễn Đức Anh	Tuấn	18/01/1999	02DH14C1	6.0	5.0	5.3		6.0		5.7	Đạt
28	2213360255	Trương Minh	Tuấn	15/02/2002	02DH14C1	8.0	6.5	7.0		5.0		5.8	Đạt
29	2213360213	Võ Bảo	Vy	19/04/2006	02DH14C1	8.0	7.0	7.3		6.0		6.5	Đạt
30	2213360215	Nguyễn Vũ Phương	Vy	22/09/2006	02DH14C1	7.0	6.0	6.3		5.0		5.5	Đạt
31	2213360375	Dương Ngọc Khánh	Vy	24/08/2006	02DH14C1	6.0	6.0	6.0		6.5		6.3	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN PHÒNG ĐÀO TẠO						CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc							
BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC													
MÔN: Thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu và quảng cáo													
TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
1	2213360322	Vũ Minh	Chinh	02/5/2003	02DH14C1	8.0	8.0	8.0		8.5		8.3	Đạt
2	2213360239	Dương Phương Xuân	Diệu	05/02/2006	02DH14C1	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt
3	2213360279	Vũ Ngọc	Hiển	11/11/2005	02DH14C1	8.0	8.5	8.3		7.5		7.8	Đạt
4	2213360061	Đinh Tiến	Hoàng	12/12/2002	02DH14C1	9.0	10.0	9.7		7.5		8.4	Đạt
5	2213240104	Nguyễn Thành	Hội	10/08/2000	02DH14A1	7.0	8.5	8.0		6.5		7.1	Đạt
6	2213360187	Nguyễn Hoàng Phi	Hùng	23/08/2006	02DH14C1	7.5	7.5	7.5		7.5		7.5	Đạt
7	2213240181	Lê Minh	Huy	19/10/2003	02DH14A1	9.0	9.5	9.3		8.5		8.8	Đạt
8	2213360206	Phạm Đăng	Khoa	17/07/2006	02DH14C1	7.0	10.0	9.0		9.5		9.3	Đạt
9	2213360305	Phan Thị Hương	Liên	20/04/2006	02DH14C1	9.0	9.5	9.3		8.5		8.8	Đạt
10	2213360268	Huỳnh Hữu	Lộc	01/10/2002	02DH14C1	10.0	9.5	9.7		7.0		8.1	Đạt
11	2213360197	Nguyễn Lê Hoàng	Nam	28/03/2005	02DH14C1	8.5	8.5	8.5		8.5		8.5	Đạt
12	2213360109	Trương Ngọc Kim	Ngân	27/11/2006	02DH14C1	8.5	10.0	9.5		9.0		9.2	Đạt
13	2213360243	Võ Thị Thanh	Ngân	20/10/2006	02DH14C1	9.0	10.0	9.7		9.0		9.3	Đạt
14	2213360028	Nguyễn Hùng	Nguyên	22/10/2005	02DH14C1	8.5	8.5	8.5		8.0		8.2	Đạt
15	2213360170	Lê Thái Minh	Nhật	22/05/2004	02DH14C1	5.5	6.5	6.2		7.0		6.7	Đạt
16	2213360288	Nguyễn Ngọc	Nhi	13/07/2006	02DH14C1	8.5	9.0	8.8		8.5		8.6	Đạt
17	2213360214	Bùi Hải	Phi	05/01/2006	02DH14C1	9.5	9.0	9.2		7.5		8.2	Đạt
18	2213360334	Võ Trần	Quân	02/10/2005	02DH14C1			0.0	TBKT				Học lại
19	2213240008	Phan Bá	Tâm	21/02/1998	02DH14A1	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt
20	2213360122	Đỗ Phương	Thảo	08/04/2006	02DH14C1	8.5	10.0	9.5		9.5		9.5	Đạt
21	2213360220	Nguyễn Song	Thư	07/02/2006	02DH14C1	9.5	9.5	9.5		8.5		8.9	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: Thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu và quảng cáo

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1	
							4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
22	1213360136	Huỳnh Nguyễn Phương Thùy	18/04/2006	02DH14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
23	2213360326	Trần Ngọc Thùy Tiên	24/03/2006	02DH14C1	8.5	9.0	8.8		7.0		7.7	Đạt
24	2213360345	Nguyễn Thị Ngọc Tiên	22/12/2006	02DH14C1	9.0	9.5	9.3		9.0		9.1	Đạt
25	2213360136	Trần Minh Triết	30/03/2005	02DH14C1	6.0	9.0	8.0		7.5		7.7	Đạt
26	2213360307	Trần Thuận Trung	24/08/2006	02DH14C1	8.5	9.0	8.8		8.0		8.3	Đạt
27	2213360016	Nguyễn Đức Anh Tuấn	18/01/1999	02DH14C1	8.5	10.0	9.5		9.0		9.2	Đạt
28	2213360255	Trương Minh Tuấn	15/02/2002	02DH14C1	9.5	9.0	9.2		9.0		9.1	Đạt
29	2213360213	Võ Bảo Vy	19/04/2006	02DH14C1	8.0	10.0	9.3		9.5		9.4	Đạt
30	2213360215	Nguyễn Vũ Phương Vy	22/09/2006	02DH14C1	8.5	9.0	8.8		8.5		8.6	Đạt
31	2213360375	Dương Ngọc Khánh Vy	24/08/2006	02DH14C1	7.5	8.5	8.2		9.0		8.7	Đạt